

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày 29-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cung Trần Lương

Hội thẩm nhân dân: Bà Sùng Thị Máy, ông Ngô Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vàng Mí Chữ - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2022/TLST-HS ngày 14/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HS ngày 02/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/HSST-QĐ ngày 16/12/2022 đối với bị cáo:

Lầu Mí L (tên gọi khác: Không); sinh năm 1992, tại: xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; Nơi cư trú: Thôn X, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lầu Chữ D, sinh năm 1967 và bà Hờ Thị C (đã chết); Vợ: Thò Thị S, sinh năm 1992; con: 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên đảng Cộng sản Việt Nam (đã đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 37-QĐ/UNKTHU ngày 08/8/2022);

Bị cáo bị bắt ngày 04/8/2022, hiện đang bị giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M. Có mặt.

- Các bị hại:

1. Anh Vừ Mí L1, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

2. Anh Phùng Văn Y, sinh năm 1980, địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Giàng Mí C, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; Có mặt.

4. Anh Thò Mí M, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Có mặt

5. Anh Già Mí D1, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Có mặt

6. Ông Hạ Dũng N, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Có mặt.

7. Anh Già Mí N1, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Có mặt.

- *Những người làm chứng:* Anh Đỗ Danh Đ (Vắng mặt không có lý do), chị Thò Thị M1, bà Thò Thị S1. (Có mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vàng Thị T, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Thò Mí G, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang;
Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mua Mí C, sinh năm: 1971, địa chỉ: xã L, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 06/6/2022, Công an xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang tiếp nhận tố giác của Vừ Mí L1 về việc: Khoảng 15 giờ ngày 26/4/2022, Lầu Mí L có mang 01 chiếc xe máy đến quán của Vừ Mí L1 để sửa nhưng xe của Lầu Mí L bị hỏng nặng nên không thể sửa được ngay nên Lầu Mí L đã mượn 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Blade, màu sơn đen xanh xám, biển kiểm soát 23P1-118.60 cùng giấy tờ xe của Vừ Mí L1 đi ra thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, sau đó Lầu Mí L đã mang chiếc xe máy của Vừ Mí L1 cầm cố tại Cửa hàng xe máy Đức Độ thuộc tổ 4, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang được số tiền 13.5000.000 đồng. Khi Vừ Mí L1 biết được sự việc thì đã nhiều lần yêu cầu Lầu Mí L trả lại chiếc xe máy cho mình nhưng Lầu Mí L không trả. Vì vậy, Vừ Mí L1 đã đến Công an xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang để tố giác hành vi của Lầu Mí L và đề nghị Công an xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang giải quyết vụ việc trên để Lầu Mí L trả lại chiếc xe máy. Sau khi tiếp nhận tố giác, xét thấy tố giác không thuộc thẩm quyền nên Công an xã P, huyện M đã chuyển tố giác trên đến Cơ quan CSĐT Công an huyện M theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện M, tỉnh Hà Giang đã nhận được đơn đề nghị của Hạ Dũng N, Già Mí N1 vào ngày 15/6/2022; đơn đề nghị của Phùng Văn Y ngày 16/6/2022; đơn đề nghị của Giàng Mí D1 ngày 23/6/2022; đơn đề nghị của Giàng Mí C ngày 28/6/2022, có nội dung trình bày sự việc bị Lầu Mí L lừa

đảo chiếm đoạt tài sản, đề nghị Cơ quan CSĐT giúp lấy lại số tiền và xử lý Lầu Mí L theo quy định của pháp luật. Sau khi mở rộng điều tra vụ án đã xác định hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lầu Mí L đã bắt đầu từ năm 2019 đến năm 2022. Hành vi phạm tội của bị cáo được thể hiện cụ thể như sau:

Ngày 27/01/2019, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Lầu Mí L đã đến quán tạp hóa của anh Phùng Văn Y để vay tiền, L nói dối muốn vay tiền để cho chú mình làm đám cưới cho con gái và hứa hai tuần sau sẽ trả (*do có quen biết nhau từ trước*) nên anh Y đã cho L vay số tiền 5.000.000 đồng, khi cầm được tiền L đã mang số tiền này về để chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 20/4/2019 Lầu Mí L lại một mình đến nhà anh Y vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng và nói dối là vợ của L là Thò Thị S đang nằm viện chữa bệnh và hứa với anh Y hai tháng sau sẽ trả đủ số tiền hai lần vay là 10.000.000 đồng. Sau đó L đem số tiền này chi tiêu cho mục đích cá nhân. Anh Y đã đòi L nhiều lần nhưng đến nay L vẫn chưa trả lại cho anh Y.

Khoảng tháng 02/2021, do không có tiền mua sắm phục vụ tết cho gia đình nên Lầu Mí L đã nảy sinh ý định đi mua 01 con bò đực lông màu vàng của ông Giàng Mí C với giá 24.500.000 đồng, do L và C là người cùng xã, cũng đã có quen biết từ trước nên C đồng ý bán bò và cho L nợ số tiền mua bò đến khi nào bán được bò thì trả. Khi mua bò, để tạo lòng tin, L trả trước số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 24.000.000 đồng và hẹn đến ngày chợ thị trấn M (*khoảng 03 ngày sau*) khi bán được bò thì L sẽ trả. Sau khi mua được 01 con bò của Giàng Mí C, L đã mang đi bán ở chợ huyện B, tỉnh Cao Bằng cho một người đàn ông không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ, với giá 25.000.000 đồng. Mặc dù đã bán được bò nhưng L không trả tiền cho ông C như đã hẹn mà lại dùng số tiền này để mua sắm đồ phục vụ Tết và chi tiêu cá nhân hết. Do đã quá thời gian L đã hẹn, ông C nhiều lần đòi tiền nhưng L không trả, L đã tìm mọi cách để nói dối, xin khất nợ và hứa hẹn sẽ trả tiền nhưng đến nay L vẫn chưa trả số tiền trên cho ông Giàng Mí C.

Khoảng tháng 04/2021, L rủ anh Già Mí D1, đi mua chung 01 con bò của anh Vừ Mí C1, với giá 39.300.000 đồng để bán đi kiếm lời thì được anh C1 đồng ý bán và cho nợ số tiền mua trên đến khi bán được bò. Sau khi mua được bò, L và D1 mang bò đến chợ Trung tâm huyện M. Khi đang bán bò thì gia đình D1 có việc đột xuất nên D1 về trước, còn L ở lại và đã bán cho một người đàn ông không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ, với giá 36.900.000 đồng. Ngày hôm sau D1 đưa anh C1 đến nhà L lấy tiền bán bò, lúc này L bắt đầu nảy sinh ý định lợi dụng việc bán bò để chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của anh D1. L nói với D1 hiện tại người mua bò mới trả số tiền 29.300.000 đồng nên muốn D1 cho vay trước 10.000.000 đồng để trả cho anh C1. Khi nào người mua bò trả nốt số tiền còn lại thì L sẽ trả cho D1. Sau khi anh D1 cho L vay số tiền 10.000.000 đồng thì L dùng số tiền bán bò và một phần số tiền D1 cho L vay để trả cho anh Vừ Mí C1 số tiền 39.300.000 đồng, còn 7.600.000 đồng L đem chi tiêu cá nhân.

Khoảng tháng 10/2021, L tiếp tục đi mua 01 con bò đực, lông màu đen, của anh Thò Mí M với giá 28.000.000 đồng. Khi mua bò, L trả trước cho M 3.000.000 đồng để tạo lòng tin, còn số tiền 25.000.000 đồng L hứa sẽ trả sau khi bán được bò vào ngày

chợ tại trung tâm huyện M. Sau khi mua được bò, L đã mang ra bán tại Trung tâm huyện M bán cho một người đàn ông không biết họ, tên, tuổi, địa chỉ, với giá 28.000.000 đồng nhưng L không mang tiền trả cho anh M mà chiếm đoạt để sử dụng chi cho mục đích cá nhân. Tuy anh M đã nhiều lần đòi tiền nhưng L đều tìm lý do để khất nợ, đến nay L vẫn chưa trả được nợ cho anh M.

Ngày 17/10/2021, L tiếp tục nảy sinh ý định giả vờ đi mua 01 con bò đực, lông màu vàng của ông Hạ Dũng N, với giá 37.000.000 đồng nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền bán bò. Khi mua bò, L trả trước 2.000.000 đồng cho ông N để tạo lòng tin, số tiền còn lại 35.000.000 đồng hứa hai tuần sau sẽ trả tiền.

Đến ngày 27/10/2021, L tiếp đến nhà anh Già Mí N1 để mua 01 con bò đực, lông màu vàng, có lông màu trắng ở trên đầu với giá là 36.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền bán bò. Khi mua bò L cũng trả trước số tiền 500.000 đồng để tạo lòng tin, số tiền còn lại 35.500.000 đồng L hứa sẽ trả sau 07 ngày.

Hai con bò mua của ông N và anh N1, L đã mang sang chợ huyện B, tỉnh Cao Bằng cho một người tên C2 (*Lử không xác định được họ và địa chỉ mà chỉ có số điện thoại của anh C2. Hiện nay, điện thoại L bị mất nên không xác định được điện thoại của người tên C2*) với giá 75.000.000 đồng. Sau khi L bán hai con bò này, anh C2 chỉ trả trước số tiền 10.000.000 đồng thì L đã đem về trả cho anh N1. Khoảng tháng 12/2021, anh C2 tiếp tục trả cho L 30.000.000 đồng, tiền này 22.000.000 đồng để trả nợ cho anh Lý Văn C3 (*vì lúc trước L đã vay tiền của anh C3 khoảng 8/2020 để đăng kiểm ô tô*). Khi trả số tiền này, L không nói rõ nguồn gốc số tiền này cho anh C3 và anh C3 cũng không hỏi L nguồn gốc, còn 8.000.000 đồng L đã chi tiêu cho mục đích cá nhân. Đến khoảng tháng 3/2022, anh C2 trả tiền 35.000.000 đồng, số tiền này L đã sử dụng 23.850.000 đồng để chi cho mục đích cá nhân; Khoảng tháng 4/2022, L vào mạng xã hội “Tiktok” thấy nick “Cho vay lãi suất thấp” nên L đã bình luận và để lại số điện thoại của mình, sau đó có người gọi lại cho L bằng số điện thoại 0336.580.332 và tự giới thiệu tên là Nguyễn Thị Tr và hỏi L có nhu cầu vay tiền thì chụp căn cước công dân hai mặt gửi cho Tr để làm thủ tục vay tiền. Do đang cần tiền để trả nợ nên L lập tức đồng ý và làm theo hướng dẫn. Đến ngày 21 và 23/4/2022, Nguyễn Thị Tr gọi cho L bảo cần chuyển tiền để làm thủ tục hồ sơ vay tiền, số tiền để làm thủ tục là 9.000.000 đồng nên L đã lấy số tiền vừa bán được bò đem đến nhờ anh Ma Đức Ng chuyển vào số tài khoản của Tr. Như vậy, số tiền L đã lừa đảo chiếm được của anh Hạ Dũng N là 35.000.000 đồng và anh Già Mí N1 là 25.500.000 đồng.

Đến ngày 26/4/2022, Nguyễn Thị Tr tiếp tục gọi cho L và báo do căn cước công dân của L bị nợ xấu nên cần chuyển thêm 13.500.000 đồng để xóa nợ xấu. Do Lầu Mí L không còn tiền nên đã nảy sinh ý định lừa Vừ Mí L1. Nghĩ là làm, Lầu Mí L liền mượn xe máy của anh Thò Mí P đem đến nhà anh Vừ Mí L1 và nói dối xe bị hỏng, cần sửa. Sau đó, Lầu Mí L lấy có xe đang sửa mà lại cần xuống thị trấn gấp nên mượn xe và giấy tờ xe của Vừ Mí L1 vì sợ có cảnh sát giao thông kiểm tra. Sau khi mượn được xe, Lầu Mí L đã đem xe đến cửa hàng Đức Độ và nói dối đây là xe mua lại của người nhà, nay gia đình có việc gấp nên muốn bán chiếc xe này với giá 13.500.000 đồng rồi

nờ chủ cửa hàng xe là ông Đỗ Danh Đ chuyển số tiền này cho tài khoản của Nguyễn Thị Tr. Do chủ quan nên ông Đ chỉ kiểm tra xe, thấy có đủ giấy tờ nên đồng ý mua và chuyển tiền vào số tài khoản mang tên Nguyễn Thị Tr giúp L. Ngày 27/4/2022, Trang lại gọi cho L và bảo cần chuyển thêm 2.150.000 đồng nên L đã dùng số tiền bán bò của ông N và anh N1 đem đến cửa hàng Đức Độ và nhờ giúp chuyển khoản số tiền 2.150.000 đồng vào số tài khoản Nguyễn Thị Tr. Ngay khi nhận được tiền, Tr đã chặn mọi phương thức liên lạc với Lầu Mí L. Đến lúc này L mới biết bản thân đã bị lừa nên đi về.

Ngày 16/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện M ra yêu cầu định giá tài sản số 08/YC-ĐTTH yêu cầu: Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện M, xác định giá trị đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe Blade, màu sơn đen, xanh, xám, biển kiểm soát 23P1-118.60. Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện M, xác định: Tổng giá trị tài sản được yêu cầu xác định: 18.987.500 đồng.

Như vậy, Tổng giá trị tài sản bị cáo lừa đảo, chiếm đoạt của các bị hại số tiền 138.487.500 đồng.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật;**

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang đã tiến hành thu giữ những đồ vật sau:

+ Đồ vật, tài sản do Đỗ Danh Đ tự nguyện giao nộp ngày 07/6/2022, gồm:

- 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi nội dung: “Ngày 26/4/2022, Vừ Mí L1, thôn X, xã P, M bán cho ADĐ 1 xe máy Honda 23P1-118.60, giá 13.500.000 Mười ba triệu năm trăm nghìn, Người bán xe Lử, Lầu Mí L. 03366019447”.

+ Đồ vật, tài sản do Phùng Văn Y đã tự nguyện giao nộp ngày 17/8/2022, gồm:

- 01 tờ giấy kẻ ngang có ghi nội dung: “Ngày 27-1-2019, Lầu Mí L mượn tiền Yên Ngân 5.000.000 hạn 2 tuần trả, 20/4-2019 Lầu Mí L mượn Yên Ngân 5.000.000 hạn 2 tháng trả”.

Ngày 03/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với bị cáo Lầu Mí L về: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đến ngày 14/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với bị can Lầu Mí L, từ: Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sang: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSMV ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lầu Mí L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 của BLHS.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: tuyên bố bị cáo Lầu Mí L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lầu Mí L mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giữ 04/8/2022.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Lầu Mí L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền do bị cáo Lầu Mí L đã lừa đảo chiếm đoạt được, cụ thể:

1. Phùng Văn Y, số tiền **10.000.000 đồng**
2. Giàng Mí C, số tiền: **24.000.000 đồng;**
3. Thò Mí M, số tiền: **15.000.000 đồng;**
4. Già Mí D1, số tiền: **10.000.000 đồng;**
5. Hạ Dũng N, số tiền: **35.000.000 đồng;**
6. Già Mí N1, số tiền **25.500.000 đồng.**

Ngoài số tiền bị cáo L phải bồi thường trên, các bị hại không yêu cầu bị cáo L phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền do bị cáo L đã chiếm đoạt và các bị hại không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.

Riêng đối với bị hại Vừ Mí L1: Trong quá trình điều tra, Vừ Mí L1 đã nhận lại được tài sản của mình do bị cáo Lầu Mí L đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay anh Vừ Mí L1 không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí nào khác nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Không

- Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Lầu Mí L.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Lời khai của những người bị hại, những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Lời nói sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và hòa nhập xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại Phùng Văn Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vàng Thị T, Thò Mí G có đơn xin xét xử vắng mặt, vắng mặt người làm chứng Đỗ Danh Đ không có lý do, Tòa án nhân dân huyện M đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc làm sáng tỏ vụ án. Căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lời khai nhận tội của bị cáo Lầu Mí L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, lời khai của các bị hại, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 27/01/2019 và ngày 20/4/2019 bị cáo lừa bị hại Phùng Văn Y số tiền 10.000.000 đồng; khoảng tháng 02/2021, bị cáo lừa bị hại Giàng Mí C số tiền 24.000.000 đồng; khoảng tháng 4/2021, bị cáo lừa bị hại Giàng Mí D1 số tiền 10.000.000 đồng; khoảng đầu tháng 10/2021, bị cáo lừa bị hại Thò Mí M số tiền 15.000.000 đồng; ngày 17/10/2021, bị cáo lừa bị hại Hạ Dũng N số tiền 35.000.000 đồng; ngày 24/10/2021, bị cáo lừa bị hại Giàng Mí N1 số tiền 25.500.000 đồng; ngày 26/4/2022, bị cáo lừa bị hại Vừ Mí L1 chiếc xe máy có giá trị 18.987.500 đồng, tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là **138.487.500 đồng**. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Lầu Mí L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

b) Có tính chất chuyên nghiệp

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

d) ... ”

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lầu Mí L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật, Nhà nước bảo vệ. Gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện. Hơn nữa bị cáo đã qua huấn luyện tại quân đội hoàn thành nghĩa vụ quân sự, được kết nạp đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, là người có sức lao động, đáng lẽ bị cáo phải sống và làm việc đúng pháp luật để cống hiến cho xã hội, làm một người cha mẫu mực cho con cái noi theo. Nhưng chỉ vì lười lao động muốn có tiền tiêu sài, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Lầu Mí L đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo đã mua lại chiếc xe từ của hàng xe Đức Độ và trả cho anh Vừ Mí L1; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lầu Mí L để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lầu Mí L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Xét về nhân thân: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, xuất thân trong gia đình lao động, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự.

[10] Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo Lầu Mí L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa chung đối với các loại tội phạm.

[11] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng mà các bị hại, người làm chứng giao nộp là các tài liệu, chứng cứ cần được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại đề nghị bị cáo L phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, bao gồm: Phùng Văn Y, số tiền **10.000.000 đồng**; Giàng Mí C, số tiền: **24.000.000 đồng**; Thò Mí M, số tiền: **15.000.000 đồng**; Già Mí D1, số tiền: **10.000.000 đồng**; Hạ Dũng N, số tiền: **35.000.000 đồng**; Già Mí N1, số tiền **25.500.000 đồng** ngoài ra các bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, Do vậy HĐXX

áp dụng các Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, điều 585, 586 và điều 589 của BLDS 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại. Đối với bị hại anh Vừ Mí L1 tại giai đoạn điều tra bị cáo Lầu Mí L bị bắt đã tác động gia đình chuộc lại chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA loại Blade, màu sơn đen xanh xám, biển kiểm soát 23P1-118.60 trả lại cho bị hại Vừ Mí L1, bị hại Lử cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[13] Về án phí: Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

[14] Quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vàng Thị T, trong quá trình điều tra bà T yêu cầu bị cáo L phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng là số tiền mà bị cáo chưa trả khi mua lại bò của anh Lầu Mí L2 nên anh L2 không có đủ tiền để trả tiền mua bò cho bà Vàng Thị T. Đến ngày 26/12/2022, bà Vàng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong phần trách nhiệm dân sự bà T không yêu cầu bị cáo L phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng, bà T cũng không yêu cầu bị cáo L phải bồi thường thêm bất cứ chi phí nào khác, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[16] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thò Mí G có đơn đề nghị bị cáo Lầu Mí L phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều thể hiện bị cáo Lầu Mí L vay tiền của anh Thò Mí G để trả nợ, thực tế bị cáo đã đem số tiền đi trả nợ đến nay chưa trả lại được cho anh G bị cáo không có mục đích chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của anh G, khi vay tiền bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thò Mí G chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không làm giấy tờ gì. Do vậy, số tiền bị cáo Lầu Mí L vay anh Thò Mí G không liên quan đến vụ án này, để đảm bảo quyền lợi của các bên nếu anh Thò Mí G yêu cầu bị cáo Lử trả số tiền nêu trên thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[17] Đối với anh Lý Văn C3: Là người được bị cáo Lầu Mí L sử dụng số tiền 22.000.000 đồng do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được mà có để trả tiền nợ của anh C3. Tuy nhiên, khi trả tiền, bị cáo L không nói rõ cho anh C3 biết về nguồn gốc của số tiền đó là do phạm tội mà có, anh C3 cũng không hỏi rõ nguồn gốc tiền này. Quá trình điều tra xác định việc trước đó anh C3 cho L vay số tiền trên là có thật. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[18] Đối với anh Ma Đức Ng: Là người được bị cáo L đã hai lần nhờ chuyển tiền từ tài khoản của anh Ng vào tài khoản Nguyễn Thị Tr, anh Ng chỉ giúp chuyển khoản không biết rõ nguồn gốc tiền do L lừa đảo chiếm đoạt được mà có. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[19] Đối với anh Đỗ Danh Đ: Là người mua chiếc xe máy do bị cáo L đã lừa đảo của anh Vừ Mí L1 mang đến bán. Tuy nhiên, trong khi mua xe, anh Đ chủ quan, tin lời L nói là xe cũ, do L mua về sử dụng nay bán đi để lấy tiền giải quyết việc gia đình. Anh Đ chỉ kiểm tra xe, thấy có đầy đủ giấy tờ thì đồng ý mua và không biết rõ nguồn gốc chiếc xe máy đó là do L thực hiện hành vi phạm tội mà có. Đối với việc anh Đ đã 02 lần giúp bị cáo L chuyển tiền vào tài khoản mang tên Nguyễn Thị Tr thì anh Đ chỉ là người chuyển giúp tiền, không rõ mục đích chuyển tiền và nguồn gốc số tiền. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[20] Đối với Nguyễn Thị Tr là người đã liên lạc yêu cầu bị cáo Lầu Mí L chuyển tiền vào các tài khoản của Tr. Đến nay Cơ quan CSĐT Công an huyện M đang tiếp tục làm rõ hành vi của Nguyễn Thị Tr. Sau khi có kết quả sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Nên HĐXX không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lầu Mí L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Lầu Mí L 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị giam (ngày 04/8/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự; áp dụng các điều 584, điều 585, 586 và điều 589 của BLDS 2015.

Buộc bị cáo Lầu Mí L phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 119.500.000 đồng, trong đó: Phùng Văn Y: 10.000.000 đồng; Giàng Mí C: 24.000.000 đồng; Thò Mí M: 15.000.000 đồng; Già Mí D1: 10.000.000 đồng; Hạ Dũng N: 35.000.000 đồng và Già Mí N1: 25.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. **Án phí:** Căn cứ Điều 135, 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, dân sự có giá ngạch cho bị cáo.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 BLTTHS: Án xử công khai, có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/12/2022)

Báo cho bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện M;
- Ủy ban kiểm tra huyện M;
- Công an huyện M;
- THADS huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Củng Trần Lương